

DANH SÁCH CÔNG CHỨC CẤP XÃ ĐỀ NGHỊ NÂNG LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN ĐỢT I NĂM 2025

(Kèm theo Thông báo số: /TB-HĐXNL ngày /4/2025 của Hội đồng xét nâng lương huyện Tam Đường)

TT	Họ và tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc					Kết quả nâng bậc lương trong năm 2021					Đơn vị công tác
		Nam	Nữ		Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch hoặc trong chức danh hiện giữ	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời điểm được xếp	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc lương sau nâng bậc	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc lần sau	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	
1	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	Lò Văn Thắng	1976		ĐH	01.003	4	3,33	01/03/2023		01.003	5	3,66	01/06/2025		UBND xã Bình Lư
2	Nguyễn Văn Thuận	1977		ĐH	01.003	6	3,99	01/01/2023		01.003	7	4,32	01/4/2025		UBND xã Bản Hòn

Ghi chú
<i>18</i>
Nâng trước 9 tháng (có 02 lần đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở)
Đề nghị trước 9 tháng (có BK UBND tỉnh)

DANH SÁCH CÔNG CHỨC CẤP XÃ ĐỀ NGHỊ NÂNG LƯƠNG THƯỜNG XUYÊN ĐỢT I NĂM 2025

(Kèm theo Thông báo số: /TB-HĐXNL ngày /4/2025 của Hội đồng xét nâng lương huyện Tam Đường)

TT	Họ và tên	Năm Sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Bậc, hệ số lương hiện hưởng					Bậc, hệ số lương sau nâng bậc					Đơn vị công tác	Ghi chú
		Nam	Nữ		Chức danh hoặc ngạch (mã Số)	Bậc lương hiện hưởng	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời điểm được xếp	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Chức danh hoặc ngạch (mã Số)	Bậc lương sau nâng bậc	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc lần sau	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		
1	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	Hạng A Sinh	1993		ĐH	01.003	2	2,67	25/6/2022		01.003	3	3,00	25/6/2025		UBND xã Sơn Bình	
2	Giảng A Kỳ	1990		ĐH	01.004	3	2,26	01/02/2023		01.004	4	2,46	01/02/2025		UBND xã Sơn Bình	
3	Trần Thị Lược		1972	ĐH	01.003	4	3,33	01/6/2022		01.003	5	3,66	01/6/2025		UBND xã Sơn Bình	
4	Vũ Công Kiệm		1992	ĐH	01.003	2	2,67	01/01/2022		01.003	3	3	01/01/2025		UBND xã Bình Lư	
5	Pờ Thị Lợi	1989		ĐH	01.003	4	3,33	15/02/2022		01.003	5	3,66	15/02/2025		UBND xã Bình Lư	
6	Nguyễn Thái Bình	1978		ĐH	01003	6	3,99	01/01/2022		01.003	7	4,32	01/01/2025		UBND xã Bình Lư	
7	Đinh Bá Thịnh	1982		ĐH		4	3,33	01/04/2022			5	3,66	01/04/2025		Phó Bí thư Đảng uỷ xã Bản Bo	
8	Đèo Văn Tây	1979		Trung cấp		8	3,26	01/01/2023			9	3,46	01/01/2025		Hội CCB xã Bản Bo	
9	Nguyễn Văn Thành	1984		ĐH		4	3,33	15/02/2022			5	3,66	15/02/2025		UBND xã Bản Bo	
10	Lò Thị Hà		1977	ĐH	01.003	4	3,33	01/5/2022		01.003	5	3,66	01/5/2025		UB MTTQ xã Bản Hon	
11	Lò Văn Tun	1988		ĐH	01.003	1	2,34	01/4/2022		01.003	2	2,67	01/4/2025		Hội CCB xã Bản Hon	
12	Nguyễn Thị Hạnh		1986	ĐH	01.003	4	3,33	01/2/2022		01.003	5	3,66	01/2/2025		UBND xã Bản Hon	
13	Châu Thị Hương		1989	ĐH	01.003	4	3,33	11/5/2022		01.003	5	3,66	11/5/2025		UBND xã Bản Hon	
14	Sin Páo Hồ	1991		ĐH	01.003	2	2,67	01/6/2022		01.003	3	3,00	01/6/2025		UBND xã Bản Hon	
15	Giảng A Sinh	1974		ĐH	01.003	4	3,33	01/01/2022		01.003	5	3,66	01/01/2025		UBND xã Tả Lềng	
16	Giảng A Lùng	1991		CD	01.004	1	2,10	01/4/2022		01.004	2	2,41	01/4/2025		Chủ tịch Hội CCB xã Tả Lềng	

TT	Họ và tên	Năm Sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Bậc, hệ số lương hiện hưởng					Bậc, hệ số lương sau nâng bậc					Đơn vị công tác	Ghi chú
		Nam	Nữ		Chức danh hoặc ngạch (mã Số)	Bậc lương hiện hưởng	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời điểm được xếp	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Chức danh hoặc ngạch (mã Số)	Bậc lương sau nâng bậc	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc lần sau	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		
1	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
17	Giàng A Nù	1980		ĐH	01.003	4	3,33	05/01/2022		01.003	5	3,66	05/01/2025		UBND xã Tả Lèng	
18	Nguyễn Thành Đạt	1996		ĐH	01.003	2	2,67	01/3/2022		01.003	3	3	01/3/2025		UBND xã Tả Lèng	
19	Vàng Văn Long	1991		ĐH	01.003	3	3,00	15/02/2022		01.003	4	3,33	15/02/2025		UBND Thị trấn TĐ	
20	Từ Hữu Hồi	1977		ĐH	01.003	3	3,00	15/06/2022		01.003	4	3,33	15/06/2025		UBND Thị trấn TĐ	
21	Lò Văn Nện	1988		ĐH	01.003	4	3,33	01/5/2022		01.003	5	3,66	01/5/2025		UBND Thị trấn TĐ	
22	Đỗ Thị Ong		1987	ĐH	01.003	5	3,66	15/03/2022		01.003	6	3,99	15/03/2025		UBND Thị trấn TĐ	
23	Vàng Văn Luân	1988		ĐH	01.003	4	3,33	01/4/2022		01.003	5	3,66	01/4/2025		UBND xã Khun Há	
24	Tòng Thị Phấn		1983	Trung cấp	01.004	2	2,06	10/3/2023		01.004	3	2,26	10/3/2025		UBND xã Khun Há	
25	Hàng A Nhà	1986		ĐH	01.003	2	2,67	15/04/2022		01.003	3	3,00	15/04/2025		UBND xã Nùng Nàng	
26	Lù Thị Dua		1996	ĐH	01.003	2	2,67	01/06/2022		01.003	3	3,00	01/06/2025		UBND xã Nùng Nàng	
27	Hoàng Xuân Lập		1986	ĐH	01.003	3	3,00	15/10/2021		01.003	4	3,33	15/04/2025		UBND xã Nùng Nàng	chậm nâng lương do bị kỷ luật sinh con thứ 3
28	Vũ Thị Nga		1990	ĐH	01.003	4	3,33	15/03/2022		01.003	5	3,66	15/3/2025		UBND xã Nùng Nàng	
29	Lò Văn Cheo	1968		Trung cấp	1.004	8	3,26	23/01/2023		1.004	9	3,46	23/01/2025		UBND Xã Bản Giang	
30	Lò Văn Minh	1975		Đại học	1.003	4	3,33	15/02/2022		1.003	5	3,66	15/02/2025		UBND Xã Bản Giang	
31	Trần Thị Hìn		1984	Đại học	1.003	5	3,66	11/05/2022		1.003	6	3,99	11/05/2025		UBND Xã Bản Giang	
32	Vàng Thị Lan		1989	Đại học	1.003	3	3	15/05/2022		1.003	4	3,33	15/05/2025		UBND Xã Bản Giang	
33	Chèo U San	1987		Trung cấp	1.004	9	3,46	01/06/2023		0.004	10	3,66	01/06/2025		UBND xã Bản Giang	

TT	Họ và tên	Năm Sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Bậc, hệ số lương hiện hưởng					Bậc, hệ số lương sau nâng bậc					Đơn vị công tác	Ghi chú
		Nam	Nữ		Chức danh hoặc ngạch (mã Số)	Bậc lương hiện hưởng	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời điểm được xếp	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Chức danh hoặc ngạch (mã Số)	Bậc lương sau nâng bậc	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc lần sau	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		
<i>1</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>	<i>13</i>	<i>14</i>	<i>15</i>	<i>16</i>	<i>17</i>	<i>18</i>
34	Nguyễn Văn Hải	1992		ĐH	01.003	2	2,67	01/01/2022		01.003	3	3,00	01/01/2025		UBND xã Nà Tăm	
35	Bùi Thái Cơ	1982		ĐH	01a.003	4	3,03	01/5/2022		01a.003	5	3,34	01/5/2025		UBND xã Nà Tăm	
36	Nguyễn Tiến Đạt	1985		ĐH	01.003	4	3,33	01/02/2022		01.003	5	3,66	01/02/2025		UBND xã Thèn Sin	
37	Phàn A Thắng	1991		TC	01.004	5	2,66	15/10/2022		01.004	6	2,86	15/10/2024		UBND xã Thèn Sin	Chậm nâng lương do cá nhân quên đề nghị
38	Giàng A Tủa	1987		ĐH	01.003	1	2,34	01/12/2021		01.003	2	2,67	01/12/2024		UBND xã Thèn Sin	Chậm nâng lương do cá nhân quên đề nghị
39	Giàng A Vàng	1985		Trung cấp	01.004	9	3,46	01/6/2023		01.004	10	3,66	01/6/2025		UBND xã Hồ Thầu	
40	Hoàng Văn Phương	1977		Đại học	01.003	7	4,32	01/03/2022		01.003	8	4,65	01/03/2025		UBND xã Giang Ma	
41	Lưu Thị Lan Hương		1987	Đại học	01.003	4	3,33	15/03/2022		01.003	5	3,66	15/03/2025		UBND xã Giang Ma	
42	Giàng A Dững	1998		Đại học	01.003	1	2,34	01/05/2022		01.003	2	2,67	01/05/2025		UBND xã Giang Ma	
43	Phàn Văn Poóc	1977		Trung cấp	01.004	10	3,66	01/05/2023		01.004	11	3,86	01/05/2025		UBND xã Giang Ma	